

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 12 – 8 – 2025.

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tuấn.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Hải Phòng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức N, sinh ngày 22/09/1993. Địa chỉ: Thôn K, xã C, thành phố H. Căn cước công dân số 030093004xxx.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh ngày 03/4/1993. Nơi ĐKTT: Thôn K, xã C, thành phố H. Căn cước công dân số 068193013xxx.

(Anh Nguyễn, chị Q có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn, anh Nguyễn Đức N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc Q tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố B, tỉnh L (nay là UBND Phường 2 B, tỉnh L) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/6/2023. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống tại quê nhà anh N tại xã C, huyện T, tỉnh H (nay là xã C, thành phố H). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không hòa hợp. Từ tháng 01/2025, chị Q bỏ đi làm thành phố P, tỉnh N và vợ

chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau cho đến nay. Anh cũng đã nhiều lần nói chuyện, giải quyết mâu thuẫn vợ chồng với chị Q nhưng vợ chồng vẫn không thể giải quyết và tình cảm vợ chồng không thể hòa hợp được. Nay tình cảm không còn, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc Q.

Về con chung: Anh N và chị Q có một con chung Nguyễn Phúc Nhật M , sinh ngày 10/7/2023. Hiện tại con chung đang do anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/7/2025, bị đơn, chị Nguyễn Thị Ngọc Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Q thống nhất lời trình bày của anh N về quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn và đăng ký kết hôn cũng như thời gian chung sống và mâu thuẫn vợ chồng. Chị Q cũng xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, không có tiếng nói chung. Chị và anh N đã sống ly thân với nhau đã 06 tháng, không còn quan tâm nhau. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh N không thể hàn gắn, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị Q cũng đồng ý ly hôn với anh N. Tuy nhiên, hiện nay chị đang đi làm ăn xa, đi lại khó khăn nên chị không đến Tòa án tham gia tố tụng được, chị Q đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị theo quy định của pháp luật và ủy quyền cho anh N nhận thay các văn bản của Tòa án khi Tòa án triệu tập chị.

Về con chung: Chị và anh N có một con chung là Nguyễn Phúc Nhật M , sinh ngày 10/7/2023. Hiện nay con chung đang sống với anh N. Chị Q đồng ý để anh N trực tiếp nuôi con chung, chị Q không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ quan điểm đề nghị ly hôn và nuôi con với bị đơn, bị đơn cũng trình bày đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh N được ly hôn với chị Q; Anh N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Phúc Nhật M , sinh ngày 10/7/2023 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi); Chị Q có quyền, nghĩa vụ thăm

nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Anh N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Đức N và chị Nguyễn Thị Ngọc Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Anh N và chị Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố B, tỉnh L (nay là Phường 2 B, tỉnh L) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/6/2023 nên hôn nhân giữa anh N và chị Q là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn chung sống với nhau nên anh N yêu cầu được ly hôn với chị Q. Xét yêu cầu của anh N, Hội đồng xét xử xét thấy: Trên cơ sở lời trình bày của anh N và chị Q cho thấy đời sống vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 01/2025. Anh N đề nghị ly hôn, chị Q cũng có văn bản thể hiện ý kiến chị đồng ý ly hôn với anh N. Điều này thể hiện tình trạng hôn nhân giữa anh N và chị Q đã mâu thuẫn trầm trọng, anh N và chị Q không còn mong muốn tiếp tục cùng nhau chung sống, vun đắp và xây dựng gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh N, xử cho anh N được ly hôn với chị Quỳnh.

[3] Về con chung: Anh N và chị Q có một con chung là Nguyễn Phúc Nhật M, sinh ngày 10/7/2023. Hiện hai cháu đang ở với anh N. Xét việc anh N đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh N và chị Q đều xác định từ sau khi vợ chồng sống ly thân, con chung do anh N chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy hiện nay con chung của anh chị chưa đủ 36 tháng tuổi nhưng chị Q cũng đồng ý việc anh N tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Do đó, trên cơ sở ý kiến thống nhất của đương sự, để đảm bảo cuộc sống ổn định và sự phát triển toàn diện cho con chung của anh N và chị Q, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, tiếp tục giao cháu Nhật Minh cho anh N nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của anh N về việc không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Nguyễn Thị Ngọc Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội vềán phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Đức N . Xử cho anh Nguyễn Đức N được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc Q.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Đức N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Phúc Nhật M , sinh ngày 10/7/2023 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) (cháu M đang ở với anh N). Chị Nguyễn Thị Ngọc Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Đức N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai số 0002323 ngày 10 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là Thi hành án dân sự thành phố H).

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 11 – Hải Phòng;
- THA thành phố H ;
- UBND Phường 2 Bảo Lộc, Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mỹ Như